

THÔNG NHẤT NỘI DUNG KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I MÔN TOÁN

KHỐI 8:

1. Nội dung:

- Chủ đề 1: BIỂU THỨC ĐẠI SỐ
 - o Đơn thức, đa thức nhiều biến . Các phép toán với đa thức nhiều biến
 - o Hằng đẳng thức đáng nhớ. Phân tích đa thức thành nhân tử.
 - o Phân tích đa thức thành nhân tử.
 - o Phân thức đại số. Tính chất cơ bản của phân thức đại số. Các phép toán cộng, trừ, nhân, chia các phân thức đại số
- Chủ đề 2: CÁC HÌNH KHỐI TRONG THỰC TIỄN
 - o Hình chóp tam giác đều, hình chóp tứ giác đều
- Chủ đề 3: ĐỊNH LÍ PYTHAGORE
 - o Định lí Pythagore
 - o Tứ giác
 - o Tính chất và dấu hiệu nhận biết các tứ giác đặc biệt
- Chủ đề 4: MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ
 - o Thu thập và phân loại dữ liệu. Lựa chọn dạng biểu đồ để biểu diễn dữ liệu. Phân tích dữ liệu

2. Hình thức kiểm tra: đề có 2 phần

a. Phần trắc nghiệm (30%). Trong đó:

Nhận biết: 20%

Thông hiểu: 10%

b. Phần tự luận (70%). Trong đó:

Nhận biết: 15%

Thông hiểu: 25%

Vận dụng: 20%

Vận dụng cao: 10%

NỘI DUNG THỐNG NHẤT KIỂM TRA CUỐI HKI
MÔN NGỮ VĂN
Năm học: 2025-2026

A. CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA

I. Đọc – Hiểu (6 điểm)

- Kiến thức văn bản (5 điểm)
- Kiến thức tiếng Việt (1 điểm) (Có thể lấy ngữ liệu ngoài ngữ liệu trên phần đọc hiểu)

II. Làm văn (4 điểm)

Viết văn bản hoàn chỉnh

B. MA TRẬN ĐỀ

I. Đọc – Hiểu (6 điểm)

- Nhận biết + thông hiểu (bao gồm cả Văn bản và Tiếng Việt): 5 điểm
- Vận dụng: 1 điểm

II. Làm văn (4 điểm)

Vận dụng cao: Viết bài văn hoàn chỉnh.

*** Khối 8**

- Văn bản: Truyện cười, Văn bản nghị luận (Ngữ liệu ngoài SGK)
- Tiếng Việt: Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt; Nghĩa tường minh, nghĩa hàm ẩn.
- Tập làm văn:
 - + Viết bài văn nghị luận xã hội về vấn đề sẻ chia trong đời sống.
 - + Viết bài văn nghị luận xã hội về vấn đề tham gia giao thông an toàn.

**HÌNH THỨC VÀ NỘI DUNG TRỌNG TÂM ÔN TẬP CUỐI HK1 MÔN TIẾNG
ANH 8
NĂM HỌC 2025 - 2026**

Pronunciation (1pt)

- Ending sounds : ed , t , ch
- Stress (syllable 1, 2)

Multiple choice (2pts) → 8 câu

* Các Units từ 1 đến 4 trong ILSW8

(New words, Prepositions và Connectives, Conj,Connect.,Prep...)

Signs / Warnings/ Notice/ (0,25pt)

Traffic and Sign

Guided cloze (1,5pt) → 6 câu với 4 chọn lựa mỗi câu

(Đoạn văn từ 140 từ đến 155 từ)

Environment and Disasters

- (Danh từ, tính từ, trạng từ, động từ, liên từ, giới từ)

Reading comprehension – True or False (1pt) 4 câu và 2 câu suy luận tổng hợp (0.5pt)

Environment and Disasters

Word form (1,5pt) 6 câu

- 1 verb
- 2 nouns
- 2 Adjectives
- 1 adverb (đuôi ly)

Suggested key words:

Protect, prevent, pollute, tour, waste, harm, electric, poison, environment, recycle, disaster, care, destroy, surprise, earth, extinguish, prepare, danger, harm, immediate, fresh, nature, tradition, announce,

Writing (0.5 pt) (2 câu)

1. Dictionary entry:

environment, entertainment, pollution

2. Rewrite each of the following sentences in another way so that it means almost the same as the sentence printed before it. (1.0 pt) (4 câu)

- If / Unless
- So that
- Quantifiers with countable / uncountable (enough)
- Interests (like, love, enjoy, be fond of, be keen on, be interested in..)

Listen to the recording and decide whether the statements are True or False (1.0pt) (4 câu)

Topic: “Life in the country”

**NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ HỌC KÌ I MÔN KHOA HỌC TỰ
NHIÊN 8**

Năm học 2025 – 2026

- **Thời điểm kiểm tra:** Tuần 16
- **Thời gian làm bài:** 60 phút.
- **Hình thức kiểm tra:** Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 70% trắc nghiệm, 30% tự luận).
- **Mức độ:** 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 30% Vận dụng; ở mỗi mức độ số câu hỏi chia theo tỉ lệ 70% cho phần trắc nghiệm và 30% cho phần tự luận như sau:
 - + Phần trắc nghiệm nhiều lựa chọn: 4,0 điểm gồm 16 câu hỏi, mỗi câu 0,25 điểm
 - + Phần trắc nghiệm đúng sai: 3,0 điểm gồm 12 ý, mỗi ý 0,25 điểm
 - + Phần tự luận: 3,0 điểm gồm 12 ý mỗi ý 0,25 điểm.

NỘI DUNG	TỈ LỆ PHẦN TRĂM
Nội dung kiến thức: Từ bài 01 đến hết bài 16	100%
1. Bài mở đầu: Làm quen với bộ dụng cụ, thiết bị thực hành môn khoa học tự nhiên 8	25%
2. Chủ đề 1. PHẢN ỨNG HÓA HỌC	
Bài 1: Biến đổi vật lí và biến đổi hóa học	
Bài 2: Phản ứng hóa học và năng lượng của phản ứng hóa học	
Bài 3: Định luật bảo toàn khối lượng. Phương trình hoá học	
Bài 4: Mol và tỉ khối của chất khí	
Bài 5: Tính theo phương trình hoá học	
Bài 6: Nồng độ dung dịch	
Bài 7: Tốc độ phản ứng và chất xúc tác	
3. Chủ đề 2. AICD-BASE-pH –OXIDE- MUỐI	75%
Bài 8: Acid	
Bài 9: Base	
Bài 10: Thang pH	
Bài 11: Oxide	
Bài 12: Muối	
Bài 13: Phân bón hóa học	
Chủ đề 3. KHỐI LƯỢNG RIÊNG VÀ ÁP SUẤT	
Bài 14: Khối lượng riêng	
Bài 15: Tác dụng của chất lỏng lên vật đặt trong nó	
Bài 16: Áp suất	

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ 1

MÔN: LỊCH SỬ & ĐỊA LÍ 8

PHẦN LỊCH SỬ

Bài 7: KHỞI NGHĨA NÔNG DÂN Ở ĐÀNG NGOÀI THẾ KỈ XVIII

1. Một số nét chính của phong trào nông dân ở Đàng Ngoài thế kỉ XVIII

- Giữa TK XVIII, chính quyền phong kiến ở Đàng Ngoài rơi vào khủng hoảng trầm trọng:
 - + vua Lê bạc nhược, chúa Trịnh chi lo hưởng thụ, tận thu thuế,
 - + các ngành kinh tế đều rơi vào đình đốn, suy thoái,
 - + đời sống nhân dân khó khăn,
- Bùng nổ các cuộc khởi nghĩa nông dân
- Bảng niên biểu các cuộc khởi nghĩa:

Thời gian	Tên cuộc khởi nghĩa	Địa điểm
1739-1769	Hoàng Công Chất	Điện Biên, Tây Bắc
1740-1751	Nguyễn Danh Phương	Sơn Tây, Việt Trì, Thái Nguyên, Tuyên Quang
1741-1751	Nguyễn Hữu Cầu	Đô Sơn, Kinh Bắc, Thăng Long, Sơn Nam, Thanh Hóa, Nghệ An

2. Tác động của phong trào nông dân ở Đàng Ngoài đối với xã hội Đại Việt thế kỉ XVIII

- Buộc chính quyền Đàng Ngoài thực hiện một số chính sách như khuyến khích khai hoang.....
- Thể hiện tinh thần đấu tranh bất khuất của người nông dân và đã góp phần làm cho cơ đồ họ Trịnh lung lay.

BÀI 8: PHONG TRÀO TÂY SƠN

1. Nguyên nhân bùng nổ phong trào Tây Sơn

- Giữa TK XVIII, chính quyền họ Nguyễn ở Đàng Trong suy yếu dần:
 - + Quan lại, cường hào kết thành bè cánh, đàn áp bóc lột nhân dân.
 - + Nông dân bị địa chủ cường hào lấn chiếm ruộng đất, thuế cao.
 - + Nhiều cuộc khởi nghĩa nổ ra.

2. Những thắng lợi tiêu biểu của phong trào Tây Sơn

a. Lật đổ chúa Nguyễn và chính quyền Lê – Trịnh .

Năm	Sự kiện
1774	Kiểm soát 1 vùng rộng lớn từ Quảng Nam đến Bắc Bình Thuận.
1776-1783	4 lần đánh vào Gia Định, lật đổ chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong
6/1786	Tấn công thành Phú Xuân, quân Trịnh nhanh chóng tan rã
1786-1788	Quân Tây Sơn ba lần tiến ra Thăng Long, lật đổ chính quyền Lê – Trịnh và các thế lực cát cứ mới.

b. Chiến thắng quân xâm lược Xiêm (1785)

- Chính quyền chúa Nguyễn bị lật đổ, Nguyễn Ánh cầu cứu quân Xiêm.
- Cuối 7/1784, 5 vạn quân Xiêm kéo vào Gia Định
- Ngày 19/1/1785, quân Xiêm lọt vào trận địa mai phục tại Rạch Gầm – Xoài Mút, bị tiêu diệt gần hết.
- Quân Tây Sơn làm chủ vùng Gia Định

c. Quang Trung đại phá quân Thanh

	Kháng chiến chống quân Thanh
Nguyên nhân	Lê Chiêu Thống cầu cứu nhà Thanh
Diễn biến	- Trước thế giặc mạnh quân Tây Sơn rút khỏi Thăng Long để bảo toàn lực lượng. - Ngày mùng 5 Tết: chiến thắng Ngọc Hồi – Đống Đa.
Kết quả	Đánh bại hoàn toàn quân xâm lược.
Ý nghĩa	Đập tan âm mưu xâm lược của kẻ thù, bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc.

3. Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của phong trào Tây Sơn

a. Nguyên nhân:

- Nhờ tinh thần yêu nước, sự đồng lòng, ủng hộ của nhân dân
- Sự lãnh đạo tài tình của Nguyễn Huệ – Quang Trung và bộ chỉ huy nghĩa quân.

b. Ý nghĩa:

- Phong trào Tây Sơn đã lật đổ các chính quyền phong kiến suy đồi Nguyễn, Trịnh, Lê, xóa bỏ tình trạng chia cắt đất nước hơn 250 năm.

- Những chiến thắng của Tây Sơn đã tạo điều kiện cơ bản cho sự thống nhất quốc gia và bảo vệ được nền độc lập của đất nước.

CHƯƠNG 4.

CHÂU ÂU VÀ NƯỚC MỸ TỪ CUỐI THẾ KỈ XVIII ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX

BÀI 9.

CÁC NƯỚC ANH, PHÁP ĐỨC, MỸ CHUYỂN SANG

GIẢI ĐOẠN CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC

1. Những nét chính về quá trình hình thành của chủ nghĩa đế quốc

- Đến cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, sự xuất hiện của các tổ chức độc quyền, sự ra đời của tư bản tài chính, hoạt động xuất khẩu tư bản và tranh giành thuộc địa.

=> Là những dấu hiệu cơ bản đánh dấu sự ra đời của chủ nghĩa đế quốc.

2. Những chuyển biến lớn về kinh tế, chính sách đối nội, đối ngoại của các nước đế quốc Anh, Pháp, Đức, Mỹ từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX

a. Những chuyển biến lớn về kinh tế

- Sau năm 1870, tốc độ phát triển công nghiệp của Anh, Pháp chậm lại trong khi Đức và Mỹ liên tục phát triển.

- Giữa thập niên 90 của thế kỉ XIX, công nghiệp Mỹ vươn lên dẫn đầu thế giới, Đức giữ vị trí thứ hai. Anh và Pháp mất vị thế bá chủ về sản xuất công nghiệp nhưng lại là hai nước xuất khẩu tư bản nhiều nhất do có hệ thống thuộc địa rộng lớn.

b. Những chuyển biến trong chính sách đối nội, đối ngoại

- Chính sách đối nội

+ Anh và Đức là hai quốc gia theo thể chế quân chủ lập hiến.

+ Ở Pháp, nền Cộng hoà thứ ba được thành lập sau chiến tranh Pháp – Phổ (1870 – 1871), nhưng tình hình chính trị liên tục không ổn định.

+ Tại Mỹ, sau nội chiến (1861 – 1865), hai đảng Cộng hoà và Dân chủ thay nhau cầm quyền.

- **Chính sách đối ngoại:** Chính sách đối ngoại cơ bản của các đế quốc Anh, Pháp, Đức, Mỹ vào cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX là tăng cường xâm lược, mở rộng hệ thống thuộc địa

BÀI 10. CÔNG XÃ PA – RI (NĂM 1871)

1. Công xã Pa-ri (Paris) năm 1871.

- Hoàn cảnh ra đời của Công xã Pa-ri (Paris):

+ Tháng 7/1870, chiến tranh giữa Pháp và Phổ xảy ra, Napoleon cùng 10 vạn quân thất trận ở Sedan và bị bắt làm tù binh. “Chính phủ Vệ quốc” của giai cấp tư sản được thành lập.

+ Khi quân Phổ tiến sâu vào lãnh thổ Pháp, “Chính phủ vệ quốc” đầu hàng, trong khi đó, nhân dân Paris kiên quyết chiến đấu đến cùng để bảo vệ thủ đô.

+ Ngày 18/3/1871, từ đồi Montmartre, nhân dân Paris dưới sự chỉ huy của “Ủy ban Quốc dân quân” đã tiến vào Paris, “Chính phủ Vệ quốc” bỏ chạy về Versailles.

+ Sau cuộc bầu cử ngày 26/3/1871, Hội đồng Công xã Paris ra đời.

- Sau khi ra đời hội đồng Công xã đã thi hành nhiều chính sách tiến bộ

- Ngày 28/5/1871, chiến lũy cuối cùng của giai cấp vô sản bị phá vỡ, các chiến sĩ Công xã hi sinh.

2. Ý nghĩa của Công xã Pa-ri

- Công xã Paris là cuộc cách mạng vô sản đầu tiên

- Cổ vũ tinh thần cách mạng cho nhân dân lao động và để lại nhiều bài học quý giá cho phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản.

BÀI 11. PHONG TRÀO CÔNG NHÂN VÀ SỰ RA ĐỜI CỦA CHỦ NGHĨA MÁC

1. Sự ra đời của giai cấp công nhân:

+ Dưới tác động của cuộc cách mạng công nghiệp, nền kinh tế - xã hội của các nước tư bản có sự thay đổi căn bản. Nhiều nhà máy, công xưởng tại các đô thị mở rộng quy mô sản xuất nên cần một số lượng lớn lao động làm thuê.

+ Đông đảo nông dân bị mất ruộng đất, phải làm thuê trong các đồn điền, trang trại, hầm mỏ; hoặc ra thành thị làm thuê trong các nhà xưởng,...

=> Giai cấp công nhân ra đời.

2. C. Mác (Karl Marx), P. Ăng-ghe-n (Friedrich Engels) và sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học:

- Những năm 30-40 của TK XIX, giai cấp công nhân ngày càng đông đảo, trưởng thành về nhận thức, tiến hành đấu tranh chính trị chống lại giai cấp tư sản → sự phát triển của phong trào công nhân đòi hỏi hệ thống lý luận soi đường.

- C.Mác (Karl Marx) và Ph.Ăng-ghe-n (Friedrich Engels) đã dần trở thành lãnh tụ của phong trào công nhân quốc tế, hai người đã có nhiều hoạt động chuẩn bị cho sự ra đời của học thuyết chủ nghĩa xã hội khoa học.

- Tháng 2/1848, tại Luân Đôn, C. Mác (Karl Marx) và Ph.Ăng-ghe-n (Friedrich Engels) đã soạn thảo Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản - làm cương lĩnh cho tổ chức Đồng minh những người Cộng sản. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đã trình bày những luận điểm cơ bản về sự phát triển của xã hội loài người và sứ mệnh của giai cấp công nhân. Việc công bố văn kiện này đã đánh dấu sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học.

3. Phong trào cộng sản và công nhân quốc tế cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX

+ Từ giữa thế kỉ XIX, phong trào công nhân ở các nước Âu - Mỹ diễn ra sôi nổi, tiêu biểu là cuộc đấu tranh của công nhân Paris (vào tháng 6/1848),...

+ Sau cách mạng 1848, phong trào đấu tranh của công nhân chống lại giai cấp tư sản nổ ra ở nhiều nơi, như: Bỉ, Đức, Anh, Mỹ,...

+ Do sự lớn mạnh của phong trào công nhân, ngày 28/9/1864, Hội Liên hiệp lao động quốc tế (còn gọi là: Quốc tế thứ nhất) được thành lập → thúc đẩy sự phát triển của phong trào Công nhân quốc tế.

+ Cuối thế kỉ XIX, phong trào công nhân diễn ra mạnh mẽ, dẫn tới sự ra đời nhiều tổ chức chính trị của giai cấp công nhân trên thế giới, như: Đảng Xã hội dân chủ Đức (1875), Đảng Công nhân Pháp (1879), nhóm Giải phóng lao động Nga (1883),...

+ Năm 1889, Quốc tế thứ hai được thành lập với sứ mệnh thúc đẩy sự thành lập của các chính đảng vô sản ở các nước trên toàn thế giới. 1914, Quốc tế thứ hai bị chia rẽ và tan rã.

PHẦN ĐỊA LÍ

BÀI 4

ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN, SỬ DỤNG HỢP LÝ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN (2 tiết)

1. Đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản

a. Tài nguyên khoáng sản nước ta khá phong phú và đa dạng

- Nước ta đã xác định được trên 5 000 mỏ và điểm quặng của hơn 60 loại khoáng sản khác nhau.

- Có đủ các nhóm khoáng sản, như: khoáng sản năng lượng, khoáng sản kim loại và phi kim loại.

b. Phần lớn các mỏ có quy mô trung bình và nhỏ

- Phần lớn các mỏ khoáng sản ở nước ta có trữ lượng vừa và nhỏ.

- Một số loại khoáng sản có trữ lượng lớn như: dầu mỏ, bô-xit, đất hiếm, titan,...

c. Khoáng sản phân bố tương đối rộng

- Khoáng sản ở nước ta phân bố tương đối rộng khắp trong cả nước.

- Các khoáng sản có trữ lượng lớn phân bố tập trung ở một số khu vực.

2. Sử dụng hợp lý tài nguyên khoáng sản

a. Hiện trạng khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản

- Nhiều loại tài nguyên khoáng sản nước ta vẫn chưa được thăm dò, đánh giá đầy đủ tiềm năng và giá trị.

- Một số loại tài nguyên chưa được khai thác và sử dụng hiệu quả, vẫn còn tình trạng khai thác quá mức.

- Công nghệ khai thác một số khoáng sản chưa tiên tiến, gây lãng phí tài nguyên và tàn phá môi trường tự nhiên.

b. Biện pháp sử dụng hợp lý tài nguyên khoáng sản

- Thực hiện nghiêm Luật Khoáng sản Việt Nam.

- Áp dụng các biện pháp quản lí chặt chẽ, tăng cường trách nhiệm của các tổ chức và cá nhân.

- Áp dụng các biện pháp công nghệ tiên tiến trong khai thác và chế biến khoáng sản, tăng cường nghiên cứu, sử dụng các nguồn vật liệu thay thế, tài nguyên năng lượng tái tạo.

BÀI 6. ĐẶC ĐIỂM KHÍ HẬU

1. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa

a. Tính chất nhiệt đới ẩm

- Tính chất nhiệt đới:

+ Lượng bức xạ tổng cộng của nước ta lớn; cân cân bức xạ luôn dương.

+ Nhiệt độ trung bình năm trên 20°C (trừ vùng núi cao) và tăng dần từ Bắc vào Nam.

+ Số giờ nắng nhiều, khoảng 1 400 – 3 000 giờ/năm.

- Tính chất ẩm:

+ Lượng mưa trung bình năm lớn: từ 1 500 – 2 000 mm/năm.

+ Cân bằng ẩm luôn dương, độ ẩm không khí cao, trên 80%

b. Tính chất gió mùa

* Gió mùa mùa đông:

- Thời gian: từ tháng 11 – 4 năm sau

- Nguồn gốc: áp cao Xi-bia.

- Hướng gió: Đông Bắc

- Đặc điểm:

+ Ở miền Bắc: nửa đầu mùa đông thời tiết lạnh khô, nửa sau mùa đông thời tiết lạnh ẩm, có mưa phùn.

+ Ở miền Nam, Tín phong chiếm ưu thế đem đến mùa khô cho Nam Bộ và Tây Nguyên, gây mưa cho Duyên hải miền Trung.

* Gió mùa mùa hạ:

- Thời gian: từ tháng 5 – 10

- Nguồn gốc: áp cao Bắc Ấn Độ Dương và áp cao cận chí tuyến Nam bán cầu.

- Hướng gió: Tây Nam, đối với miền Bắc là Đông Nam.

- Đặc điểm:

+ Đầu mùa hạ: gây mưa cho Nam Bộ, Tây Nguyên nhưng gây hiệu ứng phơn khô, nóng cho Trung Bộ, Tây Bắc.

+ Giữa và cuối mùa hạ: gây mưa lớn và kéo dài trên phạm vi cả nước.

2. Khí hậu phân hóa đa dạng

- Phân hoá Bắc – Nam:

+ Miền khí hậu phía Bắc: khí hậu nhiệt đới gió mùa, có mùa đông lạnh, ít mưa; mùa hạ nóng, ẩm và mưa nhiều.

+ Miền khí hậu phía Nam: khí hậu cận xích đạo gió mùa, nhiệt độ quanh năm cao và ít thay đổi, có 2 mùa mưa, mùa khô phân hóa rõ rệt.

- Phân hoá Đông - Tây:

+ Khí hậu có sự phân hóa giữa hai sườn của dãy Hoàng Liên Sơn; Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam, tạo nên sự khác biệt về chế độ nhiệt và ẩm giữa hai sườn.

+ Vùng Biển Đông, khí hậu có tính chất gió mùa nhiệt đới hải dương.

- Phân hoá theo độ cao: khí hậu Việt Nam phân hóa thành 3 đai cao gồm: đai nhiệt đới gió mùa; đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi và đai ôn đới gió mùa trên núi.

BÀI 7. THỰC HÀNH: VẼ VÀ PHÂN TÍCH BIỂU ĐỒ KHÍ HẬU

1. Vẽ biểu đồ khí hậu:

- GV hướng dẫn HS các bước vẽ biểu đồ khí hậu:

Bước 1: Xác định các giá trị cao nhất trong bảng số liệu để tiến hành xây dựng hệ trục tọa độ.

Bước 2: xây dựng hệ trục tọa độ, bao gồm 1 trục hoành và 2 trục tung

- Trục hoành thể hiện các tháng trong năm (12 tháng)

- Trục tung: (2 trục)

+ Một trục nhiệt độ: Ta sẽ lấy giá trị cao nhất trên trục thể hiện nhiệt độ

+ Một trục lượng mưa: Ta sẽ lấy giá trị cao nhất trên trục thể hiện lượng mưa

Bước 3: Vẽ biểu đồ lượng mưa

- Vẽ lần lượt tuần tự các cột lượng mưa từ tháng 1 cho đến tháng 12.

- Tháng 1 và tháng 12 sẽ vẽ liền với trục

Bước 4: Vẽ đường biểu diễn nhiệt độ

- Xác định các điểm nhiệt độ giữa các tháng.

- Nối các điểm lại thành một đường liên tục.

Bước 5: Hoàn thiện biểu đồ

- Bổ sung bảng chú giải, tên biểu đồ

2. Phân tích biểu đồ khí hậu:

- GV nhắc lại cho HS một số công thức tính:

- + Biên độ nhiệt năm = nhiệt độ tháng cao nhất – nhiệt độ tháng thấp nhất
- + Nhiệt độ trung bình năm = tổng nhiệt độ 12 tháng / 12
- + Tổng lượng mưa trung bình năm = tổng lượng mưa 12 tháng

Ví dụ: Trạm Hà Đông (Hà Nội)

Phần câu hỏi	Phần trả lời
Xác định vị trí của trạm khí tượng HS lựa chọn trên hình 6.1	Trạm Hà Đông (Hà Nội)
-Nhiệt độ (°C): +Nhiệt độ tháng cao nhất và nhiệt độ tháng thấp nhất ?	Nhiệt độ tháng cao nhất: Tháng 7 : 29,1 °C Nhiệt độ tháng thấp nhất: Tháng 1: 16,5 °C
+Biên độ nhiệt năm?	Biên độ nhiệt năm: 29,1 °C - 16,5 °C = 12,6 °C
+Nhiệt độ trung bình năm ?	Nhiệt độ trung bình năm: 23,7 °C

-Lượng mưa(mm): + Lượng mưa tháng cao nhất và lượng mưa tháng thấp nhất?	Lượng mưa tháng cao nhất: Tháng 8 : 293,5 mm Lượng mưa tháng thấp nhất: Tháng 2: 26,5 mm
+ Những tháng có lượng mưa trên 100 mm và những tháng có lượng mưa dưới 100mm ?	+ Những tháng có lượng mưa trên 100 mm: Tháng 5,6,7,8,9,10 + Những tháng có lượng mưa dưới 100 mm: 1,2,3,4,11,12
+ Tổng lượng mưa trung bình năm ?	Tổng lượng mưa trung bình năm: 1690,7 mm

BÀI 8. ĐẶC ĐIỂM THỦY VĂN

1. Đặc điểm sông ngòi

a. Mạng lưới sông ngòi dày đặc

- Nước ta có 2360 con sông dài trên 10 km, dọc bờ biển nước ta cứ khoảng 20 km lại có 1 cửa sông.

b. Lưu lượng nước lớn, giàu phù sa

- Tổng lượng nước lớn: 839 tỉ m³/năm.
- Tổng lượng phù sa rất lớn khoảng 200 triệu tấn/năm.

c. Phần lớn sông ngòi chảy theo 2 hướng chính

- Sông chảy theo hai hướng chính là tây bắc - đông nam (sông Hồng, sông Mã, sông Tiền...) và vòng cung (sông Lô, sông Gâm, sông Cầu...)

d. Chế độ dòng chảy theo 2 mùa rõ rệt

- Mùa lũ tương ứng với mùa mưa và mùa cạn tương ứng với mùa khô.

2. Một số hệ thống sông lớn ở nước ta

Nước ta có 9 hệ thống sông lớn, với diện tích lưu vực trên 10 000 km²

a. Hệ thống sông Hồng

- Chiều dài: dòng chính dài 1126 km, đoạn chảy trên lãnh thổ nước ta dài 566 km
- Nơi bắt nguồn: Vân Nam, Trung Quốc
- Nơi đổ ra biển: cửa Ba Lạt
- Số phụ lưu: 600
- Mùa lũ: từ tháng 6-10, chiếm 75% tổng lượng nước cả năm.

b. Hệ thống sông Thu Bồn

- Chiều dài: 205km.
- Nơi bắt nguồn: vùng núi Trường Sơn Nam.
- Nơi đổ ra biển: cửa Đại
- Số phụ lưu: 80
- Mùa lũ: từ tháng 9-12, chiếm 65% tổng lượng nước cả năm.

c. Hệ thống sông Cửu Long

- Chiều dài: dòng chính dài 4300km, đoạn chảy trên lãnh thổ nước ta dài 230 km
- Nơi bắt nguồn: cao nguyên Tây Tạng, Trung Quốc
- Nơi đổ ra biển: 9 cửa: Cửa Tiểu, Cửa Đại, Ba Lai, Hàm Luông, Cổ Chiên, Cung Hầu, Định An, Ba Thắc, Trần Đề.
- Số phụ lưu: 600
- Mùa lũ: từ tháng 7-11, chiếm 75% tổng lượng nước cả năm.

3. Vai trò của hồ, đầm và nước ngầm

a. Vai trò của hồ, đầm

- Đối với sản xuất: nuôi trồng thủy sản, du lịch, cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, thủy điện, điều tiết dòng chảy,...
- Đối với sinh hoạt: cung cấp nước cho người dân.
- Đối với môi trường: điều hòa khí hậu, bảo vệ đa dạng sinh học...

b. Vai trò của nước ngầm

- Đối với sản xuất: cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, phát triển du lịch.
- Đối với sinh hoạt: phục vụ sinh hoạt, sức khỏe của người dân.

----HẾT----

CHỦ ĐỀ 1 : ĐẶC ĐIỂM DÂN SỐ VÀ PHÂN BỐ DÂN CƯ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

I. Quy mô, gia tăng dân số và cơ cấu dân số

1. Quy mô dân số:

Mật độ dân số bình quân: hơn 2.000 người/km², nhưng phân bố không đều (nội thành TP.HCM trên 40.000 người/km², còn miền núi – hải đảo BR-VT thưa thớt).

Kết luận: Quy mô dân số mới đưa TP.HCM trở thành đơn vị hành chính có số dân lớn nhất cả nước, là “siêu đô thị” của Đông Nam Bộ, quy mô ngang tầm một quốc gia cỡ trung bình.

2. Gia tăng dân số:

Tăng tự nhiên: Cả ba địa phương đều có mức sinh giảm so với trước nhưng vẫn duy trì nguồn tăng tự nhiên ổn định. TP.HCM có tỷ suất sinh thô thấp nhất, trong khi Bình Dương và BR-VT duy trì mức trung bình.

3. Cơ cấu dân số:

- TP.HCM có cơ cấu dân số trẻ, khoảng 70% dân số trong độ tuổi lao động, là lợi thế lớn về nguồn nhân lực.

- Bình Dương: nổi bật với lực lượng công nhân trẻ, đông đảo, độ tuổi từ 20–35 chiếm tỷ lệ cao nhất.

BR-VT: có cơ cấu dân số trẻ nhưng tập trung hơn ở các ngành dịch vụ, dầu khí, cảng biển.

=> cơ cấu dân số sau sáp nhập rất trẻ, nguồn nhân lực dồi dào, tạo lợi thế cho công nghiệp – dịch vụ.

II. Phân bố dân cư

Sau sáp nhập, Thành phố Hồ Chí Minh mới có dân cư phân bố theo ba vùng chính:

1. Đô thị – thương mại (TP.HCM trung tâm).

2. Công nghiệp – dịch vụ vệ tinh (Bình Dương).

3. Biển – cảng – du lịch (Bà Rịa – Vũng Tàu).

Sự phân bố này vừa tập trung cao ở các vùng phát triển, vừa tồn tại những khoảng thưa thớt ở ngoại thành và hải đảo.

CHỦ ĐỀ 2: LỊCH SỬ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TỪ THẾ KỈ XVI ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ

XX

I. Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh từ thế kỉ XVI đến nửa đầu thế kỉ XIX

1. Công cuộc khai hoang

a) Bối cảnh lịch sử

- Cuối thế kỉ XVI, Nam Bộ còn hoang vu, rừng rậm, dân cư thưa thớt.

- Người Xtiêng sống ở Bình Dương; cư dân chài rài rác ở ven biển Bà Rịa – Vũng Tàu.

b) Công cuộc khai hoang

* Địa bàn khai hoang:

- TP HCM: khai phá rừng, vỡ đất ven sông, mở rộng ruộng đồng, vườn tược. Trên sông Bến Nghé, chợ Bãi Sao sớm trở thành nơi buôn bán tập nập.

- Bình Dương: ven sông Đồng Nai, sông Sài Gòn, Lái Thiêu, Thủ Dầu Một, cù lao Rùa, cù lao Bạch Đằng...

- Bà Rịa – Vũng Tàu: Phước Hải, Phước Tỉnh, Long Hải, Long Điền, Long Hương...; mở rộng ra Đất Đỏ, núi Ngọa Ngưu, Côn Đảo.

2. Cộng đồng dân cư

- Trước thế kỉ XVII: là nơi cư trú của các tộc người Chăm, Chơ Ro, Khmer, Mạ, Xtiêng...
- Thế kỉ XVII: Người Việt từ Ngũ Quảng, Bình Định di cư vào; một bộ phận người Hoa đến định cư → cộng đồng cư dân phong phú.
- Thế kỉ XVII – XVIII: Các chúa Nguyễn khuyến khích khẩn hoang; Nguyễn Hữu Cảnh lập phủ Gia Định (1698), xác lập chủ quyền.
- Thế kỉ XIX: Triều Nguyễn tiếp tục khuyến khích khai hoang, lập làng, chia đơn vị hành chính → cơ bản hoàn chỉnh lãnh thổ TP. Hồ Chí Minh.

3. Hoạt động kinh tế

a) Sản xuất nông nghiệp

- * Trồng trọt, chăn nuôi
- * Đánh bắt thủy, hải sản

b) Thủ công nghiệp

- Nghề dệt: BR-VT có dệt lãnh thâm Hắc Lãng nổi tiếng; Bình Dương có nghề dệt thổ cẩm, làm gạch ngói, đan lát. TP. HCM có Làng dệt vải Bảy Hiền....

c) Thương nghiệp

- Chợ buôn bán sớm hình thành: Bà Rịa – Vũng Tàu có chợ Bến, chợ Giếng Bông, chợ Bến Đình...; Bình Dương có chợ Lái Thiêu, Phú Cường, Tân Uyên...
- Thương nhân Hoa góp phần sôi động thương mại, thu mua hải sản, muối, gỗ, gôm.

d) Giao thông vận tải

- Đường thủy thuận lợi, ghe thuyền buôn bán tấp nập.

4. Văn hoá, xã hội

a) Văn hoá

- Tín ngưỡng, tôn giáo
- + Thờ cúng tổ tiên, thành hoàng, anh hùng có công.
- + Xây đình, miếu, chùa làm trung tâm sinh hoạt.
- Ẩm thực: Lương thực chính: gạo tẻ, nếp trắng. Thực phẩm: tôm, cá, rau củ.
- Trang phục: TK XIX: áo bà ba phổ biến; cuối TK XIX: áo dài là y phục thường ngày.
- Nhà ở: Người Việt: nhà gỗ, tre, nứa, lợp ngói, tranh, lá; có nhà chính và nhà bếp.

b) Xã hội

- Quá trình khẩn hoang hình thành làng xã – đơn vị hành chính cơ sở.
- Xã hội phân hóa: quan lại, địa chủ thống trị ↔ nông dân, thợ thủ công bị trị.
- Xuất hiện mâu thuẫn dân tộc với thực dân Pháp.

II. Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX

1. Đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược của Thành phố Hồ Chí Minh (1859 – 1874)

- 1859: Pháp – Tây Ban Nha tấn công pháo đài Phước Thắng (Vũng Tàu), chiếm thành Gia Định.
- 1861: Pháp tấn công, chiếm Đại đồn Chí Hòa.

- 1862: Quân Pháp chiếm thành Bà Rịa.

- Triều đình Huế nhân nhượng, ký Hiệp ước Nhâm Tuất (1862), Giáp Tuất (1874), nhường Nam Kỳ cho Pháp.

- Phong trào kháng chiến vẫn bền bỉ, thể hiện tinh thần bất khuất của nhân dân.

2. Công cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp và sự chuyển biến về kinh tế, xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh đầu thế kỉ XX

a) Công cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp

- Cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, Pháp đầu tư vốn để khai thác các nguồn lợi ở TP. Hồ Chí Minh:

+ Công nghiệp: đầu tư xây dựng một số nhà máy điện, nước; xây biệt thự, khách sạn.

+ Giao thông vận tải: xây dựng và mở rộng các tuyến đường bộ nối với Sài Gòn, các trung tâm hành chính, chợ, khu dân cư. Xây dựng các tuyến đường sắt từ ga Sài Gòn.

+ Thông tin liên lạc: thiết lập đường dây điện tín Biên Hòa – TP. Hồ Chí Minh, hệ thống liên lạc bằng cáp ngầm, xây dựng bưu điện.

+ Nông nghiệp: lập đồn điền cao su.

+ Thương nghiệp: Pháp nắm độc quyền về thu mua, tiêu thụ muối. Các kho chứa muối lớn được thiết lập dọc theo sông Cỏ May, Chợ Bến.

+ Quân sự: Pháp chú trọng xây dựng các trận địa pháo, cơ sở hậu cần, hệ thống quân sự để phòng thủ Vũng Tàu, bảo vệ cửa ngõ đi vào Sài Gòn.

b) Sự chuyển biến về kinh tế, xã hội

- Về kinh tế : một số ngành mới ra đời như công nghiệp điện, nước sinh hoạt, dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng; cơ cấu kinh tế có sự thay đổi.

- Về xã hội :

+ Xuất hiện một số giai cấp, tầng lớp mới: công nhân, tiểu tư sản, tư sản,... ngày càng đông.

+ TP. Hồ Chí Minh trở thành nơi tập trung đông đảo lực lượng lao động làm thuê.

3. Phong trào yêu nước chống thực dân pháp của Thành phố Hồ Chí Minh (đầu thế kỉ XX đến năm 1930)

- Bà Rịa – Vũng Tàu: phong trào “hội kín” phát triển.

- Thủ Dầu Một: Hội Danh Dự (1923), Hội kín Nguyễn An Ninh (1926) thu hút trí thức, thanh niên yêu nước.

- Công nhân cao su ở Dầu Tiếng, Phước Hòa, Đất Đỏ... nhiều lần bãi công, biểu tình.

- 1929: Khủng hoảng kinh tế, phong trào công nhân Sài Gòn – Thủ Dầu Một vẫn phát triển, nhiều cuộc đình công mang tính chính trị.

CHỦ ĐỀ 3: MỘT SỐ DANH NHÂN LỊCH SỬ – VĂN HOÁ TIÊU BIỂU CÓ ĐÓNG GÓP TRONG LỊCH SỬ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

I. Một số danh nhân lịch sử - văn hoá ở vùng đất Sài Gòn từ năm 1698 đến năm 1858

1. Nguyễn Hữu Cảnh

a) Thân thế

- Nguyễn Hữu Cảnh (1650 – 1700) là một tướng lĩnh tài ba, một nhà quản lí hành chính xuất sắc đã có công mở nước về phía Nam và xây dựng nền móng cho Sài Gòn
- Nguyễn Hữu Cảnh sinh tại xã Chương Tín, huyện Phong Lộc, tỉnh Quảng Bình.
- Tổ tiên của Nguyễn Hữu Cảnh là Đinh Quốc Công Nguyễn Bặc – một vị tướng tài ba xuất sắc của vua Đinh Tiên Hoàng; ông cũng là cháu của nhà chính trị đại tài Nguyễn Trãi

b) Sự nghiệp

- Nguyễn Hữu Cảnh tuy còn trẻ tuổi, nhưng ông đã lập được nhiều chiến công và được chúa Nguyễn Phúc Tần phong chức Cai cơ
- Ông cho chiêu mộ nhân dân đi khẩn hoang lập ấp. - Nguyễn Hữu Cảnh lấy khu chợ nổi Nhà Bè làm trung tâm giao dịch, thông thương
=> tàu thuyền chở hàng hoá có thể ra vào dễ dàng. Cuộc sống của cư dân nhanh chóng ổn định và khá phát triển.
- Năm 1700, Nguyễn Hữu Cảnh cầm quân tiến xuống vùng biên giới Tây Nam, ông đã nhanh chóng giải quyết tình hình bất an của vùng này.
- Nguyễn Hữu Cảnh là vị tướng cầm quân đã biết dùng tài đức để phủ dụ dân chúng. Ông đã có công lớn trong sự nghiệp Nam tiến của đất nước, mang lại cuộc sống ấm no cho nhân dân.

2. Trịnh Hoài Đức

a) Thân thế

- Trịnh Hoài Đức (1765 – 1825) là nhà văn, nhà thơ, nhà địa dư chí, nhà kinh tế, nhà ngoại giao và là một khai quốc công thần thời Nguyễn.
- Tổ tiên ông vốn là người Phúc Kiến, Trung Quốc, đến thời thân phụ ông chuyển vào Biên Hoà lập nghiệp

b) Sự nghiệp

- Trịnh Hoài Đức là người rất thông minh, học sâu, biết rộng, học trò của bậc cự nho Võ Trường Toản
- Ông là người tài, lại gặp lúc các vị vua đầu Triều Nguyễn trọng dụng nên đã phát huy hết khả năng của mình trong khá nhiều trọng trách vua giao.
- Trịnh Hoài Đức chính là một tấm gương sáng về sự liêm khiết.

- Thơ văn và tác phẩm của Trịnh Hoài Đức phản ánh vùng Gia Định vào đầu thế kỉ XIX; thơ văn của Trịnh Hoài Đức, nổi bật lên lòng yêu quê hương, nhất là yêu mến, gắn bó mật thiết, thủy chung với cuộc sống, cảnh vật và con người Gia Định

- Trịnh Hoài Đức là một nhà văn hoá và là một nhà viết sử xuất sắc. Ông có sự hiểu biết tường tận và sâu sắc về lịch sử, đất nước và con người miền Nam trong thời nhà Nguyễn.

II. Một số danh nhân lịch sử - văn hoá trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1858 -1945) và kháng chiến chống Mỹ (1945-1975)

1. Nguyễn Đình Chiểu

a) Thân thế

- Nguyễn Đình Chiểu sinh ngày 1 – 7 – 1822 con cụ Nguyễn Đình Huy và bà Trương Thị Thiệt, quê tại làng Tân Thới, tỉnh Gia Định

- Sau khi bị mù cả đôi mắt, ông trở về Gia Định, mở trường dạy học nên còn có tên là Đồ Chiểu

b) Sự nghiệp

- Vốn nhiệt tình yêu nước, ông liên hệ mật thiết với các nhóm nghĩa binh của Đốc binh Là, Lãnh binh Trương Định.

- Ngòi bút của ông thực sự là vũ khí lợi hại tiêu diệt quân thù, hun đúc thêm sức mạnh cho biết bao thế hệ lên đường chiến đấu chống giặc.

- Những bài thơ văn của ông như: *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*, *Tế Trương Định* và *Phan Tông*,... đã kích thích cao độ lòng yêu nước của sĩ phu và nhân dân thời đó.

- Ông đã có nhiều đóng góp về sáng tác văn thơ, giáo dục và y học.

- Nguyễn Đình Chiểu còn là một người con hiếu thảo, một chiến sĩ cầm bút dũng cảm hết lòng vì nước. Ông là ngôi sao sáng của nền văn học Việt Nam nửa sau thế kỉ XIX, là niềm tự hào của nhân dân Sài Gòn – Gia Định.

2. Nguyễn An Ninh

a) Thân thế

- Nguyễn An Ninh sinh ngày 15 – 9 – 1900 tại xã Long Thượng, huyện Cần Giuộc, tỉnh Chợ Lớn

- Nguyễn An Ninh học rất giỏi và được xem như thần đồng ở tất cả các cấp học.

b) Sự nghiệp

- Ở Paris: liên hệ với Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường, từng tiếp xúc Nguyễn Ái Quốc.

- Xuất bản báo La Cloche Fêlée (Tiếng Chuông rè) chống Pháp.

- Trí thức lớn, gần gũi quần chúng, xuống tận thôn xóm nói chuyện với nông dân.

- Bị bắt, kết án 3 năm tù (Hội kín Nguyễn An Ninh), sau lại bị 5 năm tù, đày Côn Đảo.

- Tác phẩm tiêu biểu: Cao vọng của thanh niên An Nam (1923), Dân ước (1923), Hai Bà Trưng (1928), Tôn giáo (1932), Phê bình Phật giáo (1937), cùng nhiều bản dịch và bài trên Tiếng Chuông rền.

III. Một số danh nhân lịch sử - văn hoá từ năm 1976 đến nay

1. Vương Hồng Sển

a) Thân thế

- Vương Hồng Sển (bút hiệu Anh Vương, Vân Đường, Đạt Cổ Trai) sinh ngày 27 – 9 – 1902 trong gia đình gốc Phúc Kiến đã định cư lâu đời ở Sóc Trăng, mang dòng máu Kinh, Hoa và Khơ-me.

b) Sự nghiệp

- Là người rất ham mê đọc sách và thích ghi chép tất cả những điều tai nghe, mắt thấy nên ông có trí nhớ rất tốt.

- Phần lớn những tác phẩm của ông rút ra từ những tài liệu dưới dạng hồi kí mà ông còn giữ gìn được, phong cách viết văn của nhà văn hoá Vương Hồng Sển thấm đẫm tính cách hào sảng của người Nam Bộ

- Những bút kí ông viết cho thấy toàn thể đời sống, suy nghĩ, văn hoá của thời bấy giờ rất sống động và quý giá về xã hội năm xưa.

- Các tác phẩm nổi tiếng của ông gồm có: *Saigon năm xưa*, *Hơn nửa đời hư*.

- Sau khi về hưu, ông chuyên sưu tập các loại gốm sứ cổ, khảo cổ về hát bội, cải lương và cộng tác với Đài Vô tuyến Việt Nam

2. Trần Văn Giàu

a) Thân thế

- Đồng chí Trần Văn Giàu sinh ngày 11 – 9 – 1911, trong một gia đình trung lưu ở xã An Lục Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tân An

b) Sự nghiệp

- Trần Văn Giàu lên Sài Gòn học tại Trường Trung học Chasseloup Laubat.

- Lần về nước thứ hai: tích cực móc nối cơ sở, phát triển lực lượng, gây dựng lại Xứ ủy Nam Kỳ.

- Khi Pháp tái xâm lược: cùng Xứ ủy họp tại 629 Cây Mai, kêu gọi toàn dân kháng chiến với lời thề “Độc lập hay là chết”.

- Cùng trí thức lớn đào tạo thế hệ thanh niên thành nhà quản lí, khoa học, chuyên gia đầu ngành.

- Nhà khoa học lớn với hơn 150 công trình, uy tín trong và ngoài nước.

- Nhà lãnh đạo bản lĩnh, linh hồn Tổng khởi nghĩa Tháng Tám 1945 ở Sài Gòn – Chợ Lớn – Gia Định và Nam Bộ.

- Nhà cách mạng lão thành, kiên trung, cống hiến trọn đời cho Đảng và dân tộc.

CHỦ ĐỀ 4: KHÁM PHÁ VỀ ĐẸP CỦA NGÔN NGỮ ĐỊA PHƯƠNG Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

I. Về đặc trưng ngôn ngữ địa phương ở Thành phố Hồ Chí Minh

1. Ngôn ngữ địa phương ở Thành phố Hồ Chí Minh trong hệ thống phương ngữ tiếng Việt

Ngôn ngữ địa phương ở Thành phố Hồ Chí Minh thuộc phương ngữ Nam và mang một số đặc trưng nổi bật của phương ngữ này.

2. Một số đặc trưng của ngôn ngữ địa phương ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Về ngữ âm:

- Phát âm đồng nhất các vần: “-in”, “-it” với “-inh”, “-ich”; “-un”, “-ut” với “-ung”, “-uc”;...
- Phát âm lẫn lộn giữa các phụ âm đầu: “s” thành “x”; “tr” thành “ch”; “v”, “d”, “gi” đều thành “d”;...
- Âm đệm thường phát âm lướt hoặc bỏ: “u”(đường thủy – đường thi); “o” (choáng váng – cháng đáng);...
- Thanh điệu: thanh hỏi và thanh ngã trùng làm một, thường phát âm như nhau.

Về từ ngữ:

- Sử dụng hệ thống các trợ từ, phó từ, tình thái từ,... giàu sắc thái biểu cảm, tạo vẻ đẹp thân tình trong cách biểu đạt.
- Có nhiều từ ngữ đặc trưng khác biệt so với từ ngữ trong các vùng phương ngữ khác.
- Từ ngữ có nguồn gốc vay mượn từ tiếng nước ngoài được sử dụng phổ biến trong giao tiếp, cách đặt tên, gọi tên.

II. NGÔN NGỮ ĐỊA PHƯƠNG Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRONG VĂN BẢN VĂN HỌC

Tác dụng của ngôn ngữ địa phương trong văn bản văn học

- Tạo màu sắc địa phương, tái hiện không gian Nam Bộ.
- Thể hiện tính cách nhân vật rõ nét, sinh động.
- Mang đến sự gần gũi, dễ đồng cảm cho người đọc.

Những lưu ý khi sử dụng ngôn ngữ địa phương

- **Nên dùng:** trong đời thường, văn chương, nghệ thuật, khi cần thể hiện bản sắc.
- **Không nên:** trong văn bản hành chính, khoa học, thi cử.
- Cần biết tiết chế để người nghe hiểu đúng, không hiểu lầm.

**HÌNH THỨC KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ VÀ NỘI DUNG TRỌNG TÂM
ÔN TẬP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI KÌ I
MÔN CÔNG NGHỆ - NĂM HỌC 2025 - 2026**

- **Hình thức kiểm tra:** Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 60% trắc nghiệm, 40% tự luận).

- **Cấu trúc:**

- + Mức độ đề: 50% Nhận biết; 40% Thông hiểu; 10% Vận dụng.
- + Phần trắc nghiệm lựa chọn: 4.0 điểm (gồm 16 câu hỏi, mỗi câu 0.25 điểm).
- + Phần trắc nghiệm điền khuyết, nối cột, đúng sai, ...: 2.0 điểm (mỗi ý 0.5 điểm).
- + Phần tự luận: 4.0 điểm (từ 2 đến 3 câu hỏi, trong đó có câu vận dụng)

- **Thời gian làm bài:** 45 phút.

- **Nội dung kiến thức trọng tâm kiểm tra:** Từ đầu HK1 đến hết tuần 14.

* **CÔNG NGHỆ 8:**

BÀI 1: TIÊU CHUẨN TRÌNH BÀY BẢN VẼ KỸ THUẬT

Nhận biết:

- Khái niệm bản vẽ kỹ thuật, bản vẽ kỹ thuật dùng để làm gì.
- Các tiêu chuẩn về bản vẽ kỹ thuật như khổ giấy, tỉ lệ, đường nét, ghi kích thước

Thông hiểu:

- So sánh kích thước chiều dài và chiều rộng của các khổ giấy.
- Tỉ số các tỉ lệ so với con số ghi trên bản vẽ.
- Các loại đường nét trong bản vẽ dùng để làm gì.
- Cách ghi các con số kích thước.

BÀI 2: HÌNH CHIẾU VUÔNG GÓC

Nhận biết:

- Khái niệm về hình chiếu. Để có hình chiếu cần có những yếu tố nào.
- Nhận biết về tên gọi các loại phép chiếu. Các phép chiếu dùng để làm gì.
- Tên gọi các mặt phẳng hình chiếu, tên gọi các hình chiếu.
- Nhận biết tên gọi các hình trong khối đa diện, khối tròn xoay.
- Khi vẽ hình chiếu khối đa diện, khối tròn xoay cần những kích thước nào.

Thông hiểu:

- Thông hiểu các đặc điểm của các tia chiếu trong các phép chiếu.
- Hiểu được các mặt phẳng hình chiếu, các hướng chiếu của hình chiếu....
- Vị trí các hình chiếu trên bản vẽ kỹ thuật.
- Các hình chiếu của khối đa diện, khối tròn xoay có hình dạng và kích thước như thế nào.
- Quy trình vẽ hình chiếu vuông góc và ghi kích thước của vật thể.

Vận dụng:

- Thực hiện các bài tập về ghi con số kích thước trong bản vẽ kỹ thuật.
- Thực hiện các bài tập về vẽ hình chiếu vật thể trong bản vẽ kỹ thuật.

BÀI 3: BẢN VẼ KỸ THUẬT

Nhận biết:

- Nhận biết khái niệm các bản vẽ chi tiết, bản vẽ lắp.

- Nhận biết nội dung của các bản vẽ đã học.
- Nhận biết qui trình các bước khi đọc bản vẽ chi tiết, bản vẽ lắp.

Thông hiểu:

- Thông hiểu các nội dung trình tự đọc của các bản vẽ đã học.

Vận dụng:

- Thực hiện nội dung đọc bản vẽ chi tiết hoặc bản vẽ lắp.

BÀI 4: VẬT LIỆU CƠ KHÍ.

Nhận biết:

- Các vật liệu cơ khí phổ biến. Vật liệu kim loại, vật liệu phi kim loại.
- Tính chất cơ bản của vật liệu cơ khí

Thông hiểu:

- Phân loại được tính chất giữa các vật liệu kim loại hoặc các vật liệu phi kim loại phổ biến

Vận dụng:

- Xác định được vật liệu cơ khí được dùng để chế tạo, sản xuất các vật dụng trong gia đình.

TRƯỜNG THCS CỬU LONG

NHÓM: CD - CN - TD

NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI HKI (2025-2026)

MÔN: GDCD 8

I. Hình thức:

- Trắc nghiệm: 30%
- Tự luận: 70%

II. Nội dung:

- Bài 3: Lao động cần cù, sáng tạo.
- Bài 4: Bảo vệ lẽ phải.
- Bài 5: Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI KỲ HỌC KÌ I
MÔN HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM HƯỚNG NGHIỆP_LỚP 8
NĂM HỌC 2025 - 2026

I. TRẮC NGHIỆM:

Câu 1: Đâu không phải là những việc nên làm để xây dựng truyền thống nhà trường?

- A. Tích cực tham gia các hoạt động tập thể.
- B. Đoàn kết, tương thân tương ái với bạn bè.
- C. Hút thuốc lá, đánh nhau, chia bè phái trong trường.
- D. Tự tin giao tiếp, ứng xử văn minh.

Câu 2: Biểu hiện của việc sống trách nhiệm với bản thân là?

- A. Lười biếng, ham chơi và sống phụ thuộc.
- B. Ử rũ, tiêu cực, không muốn chia sẻ với người khác.
- C. Luôn nỗ lực học tập, hoàn thiện bản thân, sống ngăn nắp, tích cực rèn luyện thể thao và ăn uống đầy đủ để có sức khỏe tốt.
- D. Thích làm gì thì làm, không muốn ăn hay sử dụng những sản phẩm mình không thích.

Câu 3: Đâu không phải là biểu hiện của sự tự chủ trong các mối quan hệ?

- A. Chủ động thiết lập và phát triển mối quan hệ bạn bè.
- B. Kiểm soát được cảm xúc của bản thân trong các mối quan hệ.
- C. Sẵn sàng chịu trách nhiệm cho mọi hành động và quyết định của mình trong các mối quan hệ.
- D. Luôn nghe lời và luôn làm theo ý đối phương trong mối quan hệ để giữ mối quan hệ.

Câu 4: Đâu là lỗi mà chúng ta dễ mắc phải khi tranh biện, thương thuyết?

- A. Luôn xác định đúng mục tiêu.
- B. Lắng nghe và thể hiện sự đồng cảm với ý kiến của người khác.
- C. Lạc đề, mất bình tĩnh lập luận thiếu chặt chẽ.
- D. Kiểm soát tốt sự nóng giận, đưa ra những lí lẽ, bằng chứng thuyết phục.

Câu 5: Để gìn giữ tình bạn đẹp, khi xảy ra mâu thuẫn đâu là điều em nên làm?

- A. Giải quyết mâu thuẫn ngay lập tức để chấm dứt sự tranh cãi.
- B. Cáo giận, cãi nhau để bạn biết mình cũng có cảm xúc của mình.
- C. Cho nhau thời gian suy nghĩ, bình tĩnh và nói chuyện chân thành với nhau sau.
- D. Im lặng, cho nhau không gian riêng và bao giờ hết thì hết.

Câu 6: Đâu là điều em nên làm khi lớp học mất đoàn kết?

- A. Hòa giải và phân tích cho các bạn hiểu về giá trị tình bạn, sự đoàn kết.
- B. Mặc kệ, chơi với lớp khác.
- C. Vào hùa để các bạn đánh nhau rồi báo cáo cô.
- D. Cười nhạo vì sự trẻ con của mọi người.

Câu 7: N được M nhờ cầm hộ máy chơi game vì đây là tiền M lấy của bố mẹ mua nên sợ phát hiện. N không nhận lời và muốn có thêm thời gian để suy nghĩ trước. Ở đây, N đã vận dụng cách từ chối nào?

- A. Từ chối trực tiếp.

- B. Từ chối đàm phán.
- C. Từ chối thương lượng.
- D. Từ chối trì hoãn.

Câu 8: Chủ động, tự giác làm việc nhà là biểu hiện?

- A. Chăm chỉ, tự giác lao động.
- B. Trách nhiệm, sự quan tâm và lòng yêu thương với gia đình.
- C. Phù hợp với lứa tuổi.
- D. Thiếu sự quan tâm, yêu thương.

Câu 9: Việc làm nào dưới đây không phải cách sống tiết kiệm trong sinh hoạt gia đình?

- A. Lấy nước vừa đủ khi sinh hoạt, nấu ăn.
- B. Lấy tiền đi đánh bạc để làm giàu, giúp gia đình đổi đời.
- C. Tự trồng rau để ăn.
- D. Không bỏ đồ ăn và chỉ nấu vừa đủ.

Câu 10: Việc nào không thể hiện tinh thần trách nhiệm với mọi người xung quanh?

- A. Luôn quan tâm, chăm sóc mọi người.
- B. Luôn cố gắng học hỏi, làm việc nhà giúp bố mẹ và tiết kiệm chi tiêu.
- C. Nỗ lực hoàn thiện nhiệm vụ được giao để bố mẹ trả tiền công.
- D. Giữ lời hứa với mọi người.

Câu 11: Yếu tố nào khiến tranh biện không thành công?

- A. Trình bày, lập luận rõ ràng, chặt chẽ.
- B. Lập trường không vững, dễ lung lay và dễ đổi ý.
- C. Tự tin, cởi mở, thẳng thắn.
- D. Tôn trọng, lắng nghe đối phương.

Câu 12: Đây là chủ đề có thể mang ra tranh biện?

- A. Lạm dụng mạng xã hội gây ảnh hưởng đến học tập và làm việc.
- B. Mặt trời mọc đằng Đông lặn đằng Tây.
- C. Mùa hè nhiệt độ cao hơn mùa đông.
- D. Nhiệt độ sôi của nước là 100 độ C.

Câu 13: Tình bạn đẹp là?

- A. Luôn trêu đùa bạn bất kể bạn cảm thấy như thế nào.
- B. Thầm lặng ganh đua, đố kị nhau.
- C. Luôn chân thành và chia sẻ.
- D. Lấy đồ dùng học tập của bạn mà không hỏi ý kiến.

Câu 14: Một trong những biểu hiện của bạo lực học đường là?

- A. Chia sẻ
- B. Quan Tâm
- C. Đánh đập
- D. Cảm thông

Câu 15: Đây là đáp án đúng của hình thức bắt nạt học đường?

- A. Liên quan đến thân thể mới là bắt nạt.
- B. Để lại hậu quả về thân thể và tinh thần mới là bắt nạt.
- C. Bắt nạt thân thể, tinh thần và tình dục.

D. Bất nạt thân thể, tinh thần, kinh tế, tình dục.

Câu 16: Khi bạn mắc sai lầm, em nên làm gì?

A. Mặc kệ vì không phải việc của mình.

B. Động viên và khuyên bạn nên sửa đổi.

C. Nói chuyện với bạn an ủi để lấy thông tin kể cho người khác.

D. Cười nhạo bạn.

Câu 17: Những hành động góp phần xây dựng nhà trường thể hiện điều gì?

A. Tinh thần yêu nước.

B. Tinh thần trách nhiệm của bản thân.

C. Lòng vị tha.

D. Sự ngoan ngoãn, lễ phép.

Câu 18: Đây là cách hiểu đúng về “từ chối đàm phán”?

A. Từ chối trong các tình huống có thể gây hại cho mình và người khác.

B. Từ chối để có thêm thời gian suy nghĩ hoặc thêm điều kiện hỗ trợ.

C. Từ chối khi không nhận được mức lương mong muốn.

D. Đề xuất tìm người thay thế hoặc thay đổi nhiệm vụ phù hợp hơn.

Câu 19: Đây là trình tự đúng cho những bước cần làm khi gặp khó khăn trong giải quyết vấn đề?

A. Xác định khó khăn mình đang gặp phải, xác định người có thể hỗ trợ, bày tỏ khó khăn và mong muốn được hỗ trợ, cảm ơn người đã hỗ trợ.

B. Xác định người có thể hỗ trợ, xác định khó khăn mình đang gặp phải, bày tỏ khó khăn và mong muốn được hỗ trợ, cảm ơn người đã hỗ trợ.

C. Xác định người có thể hỗ trợ, bày tỏ khó khăn và mong muốn được hỗ trợ, cảm ơn người đã hỗ trợ, xác định khó khăn mình đang gặp phải.

D. Bày tỏ khó khăn và mong muốn được hỗ trợ, cảm ơn người đã hỗ trợ, xác định khó khăn mình đang gặp phải, xác định người có thể hỗ trợ.

Câu 20: N đã rất chăm chỉ nhưng kết quả không được như mong muốn nên rất buồn bã. Em nên làm gì để bạn đỡ buồn?

A. An ủi bạn đừng buồn, học tài thi phận mà.

B. Kể chuyện vui cho bạn cảm thấy đỡ hơn.

C. An ủi, động viên bạn, cùng bạn lên kế hoạch học tập cụ thể, giúp đỡ bạn trong quá trình học tập.

D. Buồn cùng bạn để bạn không thấy cô đơn.

Câu 21: Đây là điều nên làm khi tranh biện?

A. Bất chấp tất cả chỉ để bảo vệ cho ý kiến của mình.

B. Giữ bình tĩnh, lắng nghe phản biện và đưa ra những lập luận khoa học.

C. Chấp nhận mọi ý kiến của người khác.

D. Nổi cáu khi người khác phản biện ý kiến của mình.

Câu 22: Chúng ta cần sử dụng kỹ năng tranh biện và thương thuyết khi?

A. Cần có một kết luận chính xác.

B. Xuất hiện nhiều sự việc, hiện tượng trong đời sống.

C. Bảo vệ cái tôi cá nhân.

D. Mỗi người có ý kiến, quan điểm riêng.

Câu 23: Muốn thương thuyết thành công cần?

- A. Tự tin, thiện chí, tôn trọng, lắng nghe và chọn thời điểm phù hợp.
- B. Ra sức phản bác, chối bỏ ý kiến của đối phương.
- C. Gây hấn, thiếu tôn trọng, mất bình tĩnh khi tranh luận.
- D. Bất chấp tất cả để bảo vệ cái tôi cá nhân.

Câu 24: Đâu không phải là từ để miêu tả tính cách của con người?

- A. Tốt bụng
- B. Xinh đẹp.
- C. Ích kỷ.
- D. Cẩn thận.

Câu 25: Đâu là những việc làm để góp phần xây dựng truyền thống nhà trường?

- A. Tích cực tham gia các hoạt động tập thể.
- B. Đấu tranh, phòng tránh các biểu hiện không lành mạnh.
- C. Nói không với bạo lực học đường.
- D. Cả 3 ý trên.

Câu 26: Đâu là câu nói để người thân hài lòng?

- A. Chia sẻ, quan tâm, động viên khi người thân có niềm vui nỗi buồn.
- B. Không quan tâm khi người thân bị ốm.
- C. Bày tỏ sự khó chịu khi người thân cần giúp đỡ.
- D. Chia sẻ, quan tâm với thái độ cầu gắt.

Câu 27: Đâu là những biểu hiện thể hiện thái độ tôn trọng ý kiến của các thành viên trong gia đình?

- A. Lắng nghe tích cực và chân thành tiếp thu ý kiến đóng góp của người thân.
- B. Đặt mình vào vị trí của người thân và cố gắng thấu hiểu suy nghĩ của họ.
- C. Giao tiếp bằng mắt khi nói chuyện và không ngắt lời khi người thân đang nói.
- D. Cả 3 ý trên.

Câu 28: H là một bạn mới chuyển đến lớp của em. H khá rụt rè vì chưa quen được với môi trường học tập mới. Em thể hiện sự tự chủ trong mối quan hệ này như thế nào?

- A. Em không quan tâm và tỏ ra khó chịu vì bạn rụt rè.
- B. Em sẽ chủ động bắt chuyện làm quen và giới thiệu H với các bạn cùng lớp để bạn nhanh chóng hòa nhập.
- C. Em sẽ chủ động bắt chuyện làm quen.
- D. Em yêu cầu bạn mua bánh kẹo để làm quen với lớp.

Câu 29: Theo em, thế nào là trường học thân thiện?

- A. Trường học thân thiện là môi trường giáo dục, nơi học sinh được tôn trọng, đối xử công bằng và cảm thấy an toàn, không bị bạo lực hay áp lực học hành.
- B. Trường học thân thiện là môi trường giáo dục, nơi học sinh được tôn trọng, đối xử công bằng.
- C. Trường học thân thiện là môi trường giáo dục, nơi học sinh được tôn trọng, đối xử công bằng; là nơi học sinh được khuyến khích phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần, trí tuệ và kỹ năng sống.
- D. Trường học thân thiện là môi trường giáo dục, nơi học sinh được tôn trọng, đối xử công bằng và cảm thấy an toàn, không bị bạo lực hay áp lực học hành. Là nơi học

sinh được khuyến khích phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần, trí tuệ và kỹ năng sống; tích cực tham gia các hoạt động học tập và ngoại khóa, cảm thấy tự tin khi thể hiện bản thân.

Câu 30: Em và M học khác lớp nhưng chơi rất thân với nhau. Hôm nay, M có mâu thuẫn với một bạn ở lớp của mình nên rủ em chặn đường để nói chuyện với bạn ấy khi tan học. Em sẽ làm gì để thể hiện sự tự chủ trong tình huống này?

- A. Em sẽ khuyên M không chơi với bạn đó.
- B. Em sẽ khuyên M đừng làm như vậy mà hãy hẹn lại hẹn bạn nói chuyện đàng hoàng để giải quyết.
- C. Em sẽ rủ thêm vài bạn để cùng với M chặn đường nói chuyện.
- D. Em sẽ khuyên M đừng làm như vậy, và tìm đến thầy cô để giải quyết.

II. TỰ LUẬN:

Câu 1: Mẹ của N nghiêm cấm việc sử dụng điện thoại trước khi vào đại học vì cho rằng điện thoại chỉ có hại với tuổi này. N nghĩ mình đã 17 tuổi nên cũng muốn sử dụng mạng xã hội, dùng điện thoại để giải trí, liên lạc hay tra cứu tài liệu cần thiết khi học hành. Theo em, N nên thương thuyết như thế nào để mẹ đồng ý?

Trả lời:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 2: Chia sẻ cách sống tiết kiệm trong sinh hoạt gia đình mà em đã thực hiện?

Trả lời:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 3: Em hãy nêu một vài cách để điều chỉnh cảm xúc theo hướng tích cực?

Trả lời:

.....

.....

.....

.....
.....
.....
.....
.....

Câu 4: Nhóm của M được phân công làm một dự án và M là nhóm trưởng. Khi M phân công, một bạn nói “Bạn làm hộ mình đi, chúng ta là bạn thân mà”. Nếu em là M, em sẽ làm gì?

Trả lời:

.....
.....
.....
.....
.....

Câu 5: Bạn T rủ bạn H cùng học nhóm. H rất thích học cùng T vì bạn có cách học tập rất hiệu quả. Tuy nhiên, bố mẹ H cho rằng học nhóm chỉ là cái cớ để hai bạn đi chơi với nhau. Nếu em là H, em sẽ làm thế nào để được mẹ đồng ý?

Trả lời:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Câu 6: Một người bạn thân trong nhóm của em đăng thông tin nói xấu kèm hình ảnh bạn B trên mạng xã hội. các bạn trong nhóm đã chia sẻ, bình luận rất sôi nổi và rủ em tham gia cùng. Em sẽ làm gì khi gặp tình huống này?

Trả lời:

.....
.....
.....
.....
.....
.....

I. TRẮC NGHIỆM:

Câu	1.	2.	3.	4.	5.	6.	7.	8.	9.	10.	11.	12.
Đáp án	C	C	D	C	C	A	D	B	B	C	B	A

Câu	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
Đáp án	C	C	D	B	B	D	A	C	B	B	A	B

Câu	25	26	27	28	29	30						
Đáp án	D	A	D	B	D	B						

II. TỰ LUẬN:

Câu 1: Mẹ của N nghiêm cấm việc sử dụng điện thoại trước khi vào đại học vì cho rằng điện thoại chỉ có hại với tuổi này. N nghĩ mình đã 17 tuổi nên cũng muốn sử dụng mạng xã hội, dùng điện thoại để giải trí, liên lạc hay tra cứu tài liệu cần thiết khi học hành. Theo em, N nên thương thuyết như thế nào để mẹ đồng ý?

Trả lời:

N có thể thương thuyết với mẹ bằng cách:

- Lắng nghe và hiểu lý do của mẹ để thể hiện sự tôn trọng.
- Giải thích lợi ích của việc dùng điện thoại trong học tập, như tra cứu tài liệu và tham gia các nhóm học.
- Cam kết sử dụng điện thoại có kiểm soát, chỉ vào thời gian hợp lý và không ảnh hưởng đến học tập.
- Đề xuất thử nghiệm trong một thời gian ngắn để chứng minh việc sử dụng điện thoại có thể giúp học tốt hơn.

Câu 2: Chia sẻ cách sống tiết kiệm trong sinh hoạt gia đình mà em đã thực hiện?

Trả lời:

- So sánh giá cửa hàng khác nhau trước khi quyết định mua.
- Tự nấu ăn ở nhà, hạn chế đi ăn hàng quán.
- Lên kế hoạch chi tiêu.
- Tai ché, chai nhựa,....
- Tắt các thiết bị điện khi ra ngoài.

- Tăng cường sử dụng ánh sáng, gió tự nhiên.

Câu 3: Em hãy nêu một vài cách để điều chỉnh cảm xúc theo hướng tích cực?

Trả lời:

Một số cách để điều chỉnh cảm xúc theo hướng tích cực:

- Viết nhật kí.
- Chấp nhận cảm xúc tiêu cực.
- Sử dụng các loại thực phẩm và vitamin giúp giảm cảm xúc tiêu cực.
- Uống nước mát, hít thật sâu và đếm từ 1 đến 10.
- Thư giãn bằng các hoạt động: đọc sách, thiền, đi bộ hoặc ra ngoài chơi với bạn bè.
- Nghe nhạc không lời.
- Nghe những câu chuyện truyền cảm hứng

Câu 4: Nhóm của M được phân công làm một dự án và M là nhóm trưởng. Khi M phân công, một bạn nói “Bạn làm hộ mình đi, chúng ta là bạn thân mà”. Nếu em là M, em sẽ làm gì?

Trả lời:

Nếu em là M, em sẽ:

- Giải thích rõ về vai trò và trách nhiệm của mỗi người trong nhóm, để mọi người hiểu rằng việc phân công công việc là để đảm bảo tiến độ và chất lượng dự án, không phải dựa vào tình bạn.
- Khuyến khích bạn đó làm phần việc của mình, giải thích rằng nếu mọi người đều hoàn thành nhiệm vụ, dự án sẽ đạt kết quả tốt nhất.
- Đưa ra giải pháp hợp lý nếu bạn đó gặp khó khăn, như hỗ trợ bạn tìm hiểu hoặc trao đổi thêm về cách giải quyết công việc, thay vì làm thay.

Câu 5: Bạn T rủ bạn H cùng học nhóm. H rất thích học cùng T vì bạn có cách học tập rất hiệu quả. Tuy nhiên, bố mẹ H cho rằng học nhóm chỉ là cái cớ để hai bạn đi chơi với nhau. Nếu em là H, em sẽ làm thế nào để được mẹ đồng ý?

Trả lời:

- Giải thích mục đích học nhóm rõ ràng, rằng học nhóm giúp các bạn trao đổi kiến thức, giải quyết bài tập khó và hỗ trợ nhau trong học tập, chứ không phải để đi chơi.
- Chứng minh lợi ích của việc học nhóm, như giúp em hiểu bài tốt hơn, học được nhiều kiến thức mới và nâng cao hiệu quả học tập.
- Cam kết học nhóm có giờ giấc rõ ràng, không làm ảnh hưởng đến việc học cá nhân, thời gian nghỉ ngơi hay các hoạt động khác.

- Đề xuất cho mẹ giám sát quá trình học nhóm, hoặc gặp T để mẹ hiểu rõ hơn về mục đích và cách thức học nhóm của hai bạn.

- Cam kết học nhóm không biến thành cơ hội đi chơi, mà luôn giữ mục tiêu học tập là chính.

Câu 6: Một người bạn thân trong nhóm của em đăng thông tin nói xấu kèm hình ảnh bạn B trên mạng xã hội. Các bạn trong nhóm đã chia sẻ, bình luận rất sôi nổi và rủ em tham gia cùng. Em sẽ làm gì khi gặp tình huống này?

Trả lời:

Em sẽ từ chối tham gia chia sẻ và bình luận bài viết đó, vì làm như vậy là vi phạm quyền riêng tư và gây tổn thương đến danh dự, hình ảnh của bạn B. Đó là một hành động không tốt và có thể gây thêm tổn thương đến bạn B. Thay vào đó, em sẽ đề nghị nhóm bạn nên gỡ bài viết./.

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI KỲ HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2025 - 2026
MÔN HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM HƯỚNG NGHIỆP_LỚP 8

HÒA NHẬP

TRẮC NGHIỆM:

Câu 1: Đâu KHÔNG phải là những việc nên làm để xây dựng truyền thống nhà trường?

- A. Tích cực tham gia các hoạt động tập thể.
- B. Đoàn kết, tương thân tương ái với bạn bè.
- C. Hút thuốc lá, đánh nhau, chia bè phái trong trường.
- D. Tự tin giao tiếp, ứng xử văn minh.

Câu 2: Biểu hiện của việc sống trách nhiệm với bản thân là?

- A. Lười biếng, ham chơi và sống phụ thuộc.
- B. Ử rũ, tiêu cực, không muốn chia sẻ với người khác.
- C. Luôn nỗ lực học tập, hoàn thiện bản thân, sống ngăn nắp, tích cực rèn luyện thể thao và ăn uống đầy đủ để có sức khỏe tốt.
- D. Thích làm gì thì làm, không muốn ăn hay sử dụng những sản phẩm mình không thích.

Câu 3: Đâu KHÔNG phải là biểu hiện của sự tự chủ trong các mối quan hệ?

- A. Chủ động thiết lập và phát triển mối quan hệ bạn bè.
- B. Kiểm soát được cảm xúc của bản thân trong các mối quan hệ.
- C. Sẵn sàng chịu trách nhiệm cho mọi hành động và quyết định của mình trong các mối quan hệ.
- D. Luôn nghe lời và luôn làm theo ý đối phương trong mỗi quan hệ để giữ mối quan hệ.

Câu 4: Nếu em có mong muốn mà bị mọi người phản đối thì đâu là việc em nên làm?

- A. Giận dữ, bỏ đi rồi mọi người sẽ phải đồng ý.
- B. Thuyết phục, trao đổi với người thân về mong muốn của mình.
- C. Không thềm nói nữa.
- D. Tự ý làm, không quan tâm.

Câu 5: Một trong những biểu hiện của bạo lực học đường là?

- A. Chia sẻ
- B. Quan Tâm
- C. Đánh đập
- D. Cảm thông

Câu 6: Tình bạn đẹp là?

- A. Luôn trêu đùa bạn bất kể bạn cảm thấy như thế nào
- B. Thầm lặng ganh đua, đố kị nhau.
- C. Luôn chân thành và chia sẻ.
- D. Lấy đồ dùng học tập của bạn mà không hỏi ý kiến.

Câu 7: Khi bạn mắc sai lầm, em nên làm gì?

- A. Mặc kệ vì không phải việc của mình.
- B. Động viên và khuyên bạn nên sửa đổi.
- C. Nói chuyện với bạn an ủi để lấy thông tin kể cho người khác.
- D. Cười nhạo bạn.

Câu 8: Đây là điều em nên làm khi lớp học mất đoàn kết?

- A. Hòa giải và phân tích cho các bạn hiểu về giá trị tình bạn, sự đoàn kết.
- B. Mặc kệ, chơi với lớp khác.
- C. Vào hùa để các bạn đánh nhau rồi báo cáo cô.
- D. Cười nhạo vì sự trẻ con của mọi người.

Câu 9: Những hành động góp phần xây dựng nhà trường thể hiện điều gì?

- A. Tinh thần yêu nước.
- B. Tinh thần trách nhiệm của bản thân.
- C. Lòng vị tha.
- D. Sự ngoan ngoãn, lễ phép.

Câu 10: N đã rất chăm chỉ nhưng kết quả không được như mong muốn nên rất buồn bã. Em nên làm gì để bạn đỡ buồn?

- A. An ủi bạn đừng buồn, học tài thi phận mà.
- B. Kể chuyện vui cho bạn cảm thấy đỡ hơn.
- C. An ủi, động viên bạn, cùng bạn lên kế hoạch học tập cụ thể, giúp đỡ bạn trong quá trình học tập.
- D. Buồn cùng bạn để bạn không thấy cô đơn.

Câu	Đáp án
1	C
2	C
3	D
4	B
5	C
6	C
7	B
8	A
9	B
10	C

THÔNG NHẤT

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ I **Năm học 2025 – 2026 – Môn: Nghệ thuật (Mỹ thuật)**

I. CÁC NỘI DUNG THÔNG NHẤT

1/ Nội dung ôn tập kiểm tra giữa kì 1.

c/ Khối 8: Từ tuần 9 ngày 03/11/2025 đến tuần 15 ngày 15/12/2025

- Chủ đề: Nghệ thuật hiện đại Việt Nam.

- Bài 5: Nét đẹp trong tranh lụa của Họa sĩ Nguyễn Phan Chánh.
- Bài 6: Tượng chân dung nhân vật.

- Chủ đề: Mỹ thuật của các dân tộc thiểu số Việt nam.

- Bài 7: Tạo mẫu nền trang trí với họa tiết dân tộc thiểu số Việt Nam
- Bài 8: Thiết kế trang phục với họa tiết dân tộc.

2/ Hình thức:

- Thực hành cá nhân.
- Khổ giấy A/4
- Màu sắc: Tự chọn.

Đề cương ôn tập kiểm tra cuối kì I môn Nghệ Thuật - Âm Nhạc

Khối 8

1.Hát:

- Ước mơ hồng
- Ngôi nhà của chúng ta
- Con đò thời gian

2. Đọc nhạc:

- Bài đọc nhạc số 1
- Bài đọc nhạc số 2
- Bài đọc nhạc số 3

3. Nhạc cụ: Nhạc cụ thể hiện tiết tấu

- Bài thực hành số 1
- Bài thực hành số 2
- Bài đọc nhạc số 3

4.Lí thuyết âm nhạc:

- Gam trưởng, giọng trưởng, giọng đô trưởng
- Gam thứ, giọng thứ, giọng la thứ

5. Thường thức âm nhạc

- Kèn Trumpet, Kèn Sasophone
- Nhạc sĩ Phan Huỳnh Điểu